

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

---

Hà Nội, tháng 10 năm 2018



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6-7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 36



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/07/2018)

**Ban Điều hành**

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Điều hành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thầy mặt và đại diện cho Ban Điều hành.

The image shows a red circular stamp of Apax Holdings, a company registered in Hanoi. The stamp contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS' and 'THÀNH PHỐ HÀ NỘI'. Overlaid on the stamp is a handwritten signature in blue ink.

**Vũ Cẩm La Hương**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30.09.2018	01.01.2018
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>761.531.150.949</b>	<b>552.472.723.029</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>463.641.824.750</b>	<b>270.700.519.343</b>
1. Tiền	111	4	369.916.824.750	270.700.519.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		93.725.000.000	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>262.951.618.129</b>	<b>264.319.592.809</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	82.937.218.872	12.710.477.316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	110.094.378.996	130.170.888.538
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	4.997.000.000	100.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	64.923.020.261	121.338.226.955
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.750.034.291</b>	<b>4.896.850.971</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	3.750.034.291	4.896.850.971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.187.673.779</b>	<b>12.555.759.906</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	30.722.153.816	12.491.136.843
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		464.519.963	64.623.063
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.000.000	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.378.431.142.399</b>	<b>1.314.393.390.557</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>32.720.115.079</b>	<b>22.267.658.795</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	32.720.115.079	22.267.658.795
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>332.760.392.983</b>	<b>389.962.198.755</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	137.737.316.084	156.762.552.607
- Nguyên giá	222		179.680.832.849	174.391.137.522
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(41.943.516.765)	(17.628.584.915)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	195.023.076.899	233.199.646.148
- Nguyên giá	228		211.499.549.536	243.224.323.375

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30.09.2018</b>	<b>01.01.2018</b>
1	2	3	4	5
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(16.476.472.637)	(10.024.677.227)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>184.565.209.677</b>	<b>1.490.153.090</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	184.565.209.677	1.490.153.090
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>281.681.769.666</b>	<b>281.402.030.839</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		281.161.482.666	280.894.253.839
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(78.813.000)	(91.323.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>546.703.654.994</b>	<b>619.271.349.078</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	48.526.891.494	78.014.573.245
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		363.287.671	363.287.671
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Lợi thế thương mại	269	15	497.813.475.829	540.893.488.162
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.139.962.293.348</b>	<b>1.866.866.113.586</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30.09.2018	01.01.2018
1	2	3	4	5
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>993.479.781.520</b>	<b>732.924.093.069</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>723.376.379.081</b>	<b>657.371.930.475</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	28.783.123.681	26.915.343.981
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		94.612.801.834	52.676.162.281
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	17	44.176.534.267	53.728.845.012
4. Phải trả người lao động	314		42.507.385.474	43.955.617.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	66.242.830.583	80.874.714.505
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	258.256.079.152	251.925.203.534
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		8.372.179.660	4.310.607.999
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	180.425.444.430	142.985.435.360
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>270.103.402.439</b>	<b>75.552.162.594</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	4.962.369.262	13.946.774.479
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	265.141.033.177	61.605.388.115
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>21</b>	<b>1.146.482.511.828</b>	<b>1.133.942.020.517</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.146.482.511.828</b>	<b>1.133.942.020.517</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		688.800.000.000	688.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		90.074.070.000	90.074.070.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.974.326.349	171.782.178.169
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		102.253.631.080	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.720.695.269	160.216.172.955
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		228.634.115.479	183.285.772.348
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.139.962.293.348</b>	<b>1.866.866.113.586</b>



Vũ Cẩm La Hương  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
 Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế Số năm nay	Lũy kế Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		292.387.157.342	244.271.309.706	729.714.919.442	328.248.315.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.052.943.500	16.100.000	4.487.443.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	292.387.157.342	240.218.366.206	729.698.819.442	323.760.872.132
4. Giá vốn hàng bán	11	23	142.120.058.357	104.044.725.514	405.499.641.920	120.875.023.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		150.267.098.985	136.173.640.692	324.199.177.522	202.885.848.241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.698.365.525	3.450.378.771	13.742.433.861	111.548.822.234
7. Chi phí tài chính	22	25	8.064.022.815	1.737.454.013	19.628.928.373	2.293.484.068
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.964.663.840	1.616.304.066	19.439.476.398	1.880.017.509
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	267.228.827	-
9. Chi phí bán hàng	25	26	66.689.957.200	56.115.211.366	164.737.347.824	70.355.180.278
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	26.672.027.094	30.721.938.455	82.678.020.219	37.544.570.873
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		52.539.457.401	51.049.415.629	71.164.543.794	204.241.435.256
12. Thu nhập khác	31		44.456.566.124	387.295.792	53.283.314.541	426.307.323
13. Chi phí khác	32		40.574.092.263	682.791.331	46.117.556.795	682.907.732
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.882.473.861	(295.495.539)	7.165.757.746	(256.600.409)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.421.931.262	50.753.920.090	78.330.301.540	203.984.834.847
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	14.519.276.568	13.301.835.501	25.396.968.585	25.125.830.391
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(364.618.832)	-	(364.618.832)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.902.654.694	37.816.703.421	52.933.332.955	179.223.623.288
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		30.795.497.254	31.539.707.944	36.720.695.269	168.597.712.028
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.107.157.440	6.276.995.477	16.212.637.686	10.625.911.260



**Vũ Cẩm La Hương**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

**Nguyễn Mạnh Phú**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hải**  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018*

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>78.330.301.540</i>	<i>203.984.834.847</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	73.846.739.593	25.770.532.106
- Các khoản dự phòng	03	(12.510.000)	875.700.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.009.662.688)	(102.544.421.062)
- Chi phí lãi vay	06	19.439.476.398	1.616.304.066
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>157.594.344.843</i>	<i>128.914.819.957</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(74.544.168.504)	49.592.232.015
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.146.816.680	(1.646.759.425)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	24.390.831.808	52.017.404.950
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11.256.664.778	28.321.439.484
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(20.634.291.302)	(1.364.537.399)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.012.951.170)	(12.953.891.362)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(937.001.644)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>69.260.245.489</i>	<i>242.880.708.220</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(156.639.978.075)	(206.948.774.013)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(474.297.000.000)	(42.510.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	469.400.000.000	87.115.710.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(493.795.004.520)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	69.955.790.000	45.711.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.742.433.861	3.446.028.771
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(77.838.754.214)</i>	<i>(606.980.439.762)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29.424.160.000	465.863.470.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
1. Tiền thu từ đi vay	33	489.140.538.831	319.322.816.024
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(248.164.884.699)	(250.379.295.274)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.880.000.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>201.519.814.132</i>	<i>534.806.990.750</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>192.941.305.407</b>	<b>170.707.259.208</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>270.700.519.343</b>	<b>2.225.444.575</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>463.641.824.750</b>	<b>172.932.703.783</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower,

Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**MẪU SỐ B 03a-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính



*Handwritten signature of Vũ Cẩm La Hương*

**Vũ Cẩm La Hương**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018*

*Handwritten signature of Nguyễn Mạnh Phú*

**Nguyễn Mạnh Phú**

**Kế toán trưởng**

*Handwritten signature of Nguyễn Thị Hải*

**Nguyễn Thị Hải**

**Người lập**

*Vertical red stamp on the right edge of the page.*

**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty là 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:*

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
<b>1</b>	<b>Công ty con</b>				
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (I)	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non
3	Công ty TNHH Apax Franklin Academy	Tp. Hà Nội	100%		Hỗ trợ, tư vấn du học

*Danh sách các công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):*

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
	<i>Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax</i>				
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty cổ phần Đầu tư Eduland	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần bốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*
- Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con.*

**Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là đất sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao hàng năm.

**Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học, chi phí khởi nghiệp ban đầu nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng. Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khoá học nhưng học sinh chưa hoàn thành khoá học, các khoá học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 71,14% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30.09.2018</u>	<u>01.01.2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	284.156.898.040	49.406.264.177
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.884.850.910	217.040.939.166
Các khoản tương đương tiền (i)	93.725.000.000	
Tiền đang chuyển	8.875.075.800	4.253.316.000
	<u>463.641.824.750</u>	<u>270.700.519.343</u>

**Ghi chú:**

Tiền mặt tồn quỹ bao gồm tiền tại Văn phòng và các trung tâm tiếng Anh.

Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30.09.2018</u>	<u>01.01.2018</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<u>82.937.218.872</u>	<u>12.710.477.316</u>
Công ty TNHH Phúc Hưng	-	9.790.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	
Các đối tượng khác	78.937.218.872	2.920.477.316

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30.09.2018</u>	<u>01.01.2018</u>
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>110.094.378.996</b>	<b>130.170.888.538</b>
Công ty Cổ phần Kiến trúc Bộ Ba (ii)	28.668.359.817	29.313.366.695
Franklin USA	581.347.154	-
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải	-	-
Công ty TNHH TM Dịch vụ HN (i)	45.586.591.371	86.961.379.262
Công ty cổ phần truyền thông Đại Hồng Phát	10.801.592.710	10.910.306.724
Công ty TNHH Thương mại du lịch và vận tải Bảo Toàn	320.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Thiết bị Phương Nam	144.227.896	-
Công ty TNHH kỹ thuật và công nghệ BGT Việt Nam	223.935.195	-
Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng công trình TCT	2.371.818.333	-
Công ty cổ phần thương mại và thiết bị điện Quảng Ninh	484.000.000	-
Công ty CP ĐT và Giải pháp công nghệ số	282.150.000	-
Công ty PCCC Đình Hương	104.391.000	-
Công ty cp cung ứng TM PCCC Quảng Ninh	170.145.000	-
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	2.260.917.725	-
Các đối tượng khác	18.094.902.795	2.985.835.857

**Ghi chú:**

- (i) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng nguyên tắc 65/2017/APAX-HN/HĐTC ký ngày 02/05/2017 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN.
  - Hợp đồng nguyên tắc số 80/2017/IGARTEN-HN/HĐTC ngày 02/08/2017 và các phụ lục kèm theo về việc thi công thiết kế nội thất cho các điểm trường mầm non Công ty đang triển khai.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng Anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi nhận tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 17) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.

- (ii) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng nguyên tắc 23/1502/2016/HDNT/GEG-BB ký ngày 15/2/2016 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba.
  - Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017/APAX FA-BB ngày 18/12/2017 về việc thi công, lắp đặt nội thất tại điểm trường của Công ty.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng Anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 17) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30.09.2018		01.01.2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>64.923.020.261</b>	<b>-</b>	<b>121.338.226.955</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ (i)	23.944.079.000	-	22.900.000.000	-
Tạm ứng	3.709.965.745	-	1.736.278.847	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Phải thu khác	37.268.975.516	-	96.701.948.108	-
- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy -	-	-	3.322.297.631	-
- Công ty liên kết gián tiếp	-	-	-	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thùy	494.340.484	-	524.540.484	-
- Công ty cổ phần phát triển giáo dục Igarten	-	-	-	-
- Lãi vay dự thu BIDV Thanh Xuân	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Studymet - Công ty liên kết	191.636.250	-	191.636.250	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy - Công ty liên kết	4.712.903.542	-	1.341.609.794	-
- Ông Đặng Văn Dương	22.285.910.842	-	44.550.000.000	-
- Công ty cổ phần thiết bị giáo dục Eschool	918.796.420	-	205.291.070	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	-	-	45.457.000.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú	5.936.825.218	-	682.759.941	-
- Các đối tượng khác	2.708.562.760	-	426.812.938	-
<b>b) Phải thu khác dài hạn</b>	<b>32.720.115.079</b>	<b>-</b>	<b>22.267.658.795</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	32.720.115.079	-	22.267.658.795	-

**Ghi chú:**

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 20 - Vay và nợ thuê tài chính;

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30.09.2018		01.01.2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	322.704.979	-	318.284.033	-
Hàng hoá	3.427.329.312	-	4.578.566.938	-
	<b>3.750.034.291</b>	<b>-</b>	<b>4.896.850.971</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30.09.2018</u>	<u>01.01.2018</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b><u>30.722.153.816</u></b>	<b><u>12.491.136.843</u></b>
Chi phí hỗ trợ bán quyền dạy học	-	-
Chi phí thuê trung tâm	8.428.958.474	8.778.074.152
Chi phí bảo hiểm	-	-
Chi phí công cụ dụng cụ	1.419.181.653	277.215.001
Chi phí ghi danh học sinh	8.553.750.000	
Chi phí chương trình truyền hình Shark Tank Việt Nam - Thương vụ bạc tỷ	2.750.000.000	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.570.263.689	3.435.847.690
<b>b) Dài hạn</b>	<b><u>48.526.891.494</u></b>	<b><u>78.014.573.245</u></b>
Chi phí mua bán quyền phần mềm	473.858.038	263.207.296
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	7.005.489.292	20.918.207.571
Chi phí phát triển dự án	19.722.739.935	-
Chi phí công cụ dụng cụ	8.582.537.907	9.752.993.496
Chi phí thi công nội thất	12.068.761.763	23.516.373.137
Chi phí trả trước dài hạn khác	673.504.559	168.991.952
Chi phí thành lập doanh nghiệp		23.394.799.793



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>								
Số dư đầu năm	162.710.906.643	10.007.719.970		1.672.510.909	-		174.391.137.522	
Mua trong năm	3.240.127.041	47.400.000		1.137.785.699	1.536.648.800		5.961.961.540	
Giảm khác trong kỳ	(652.280.513)	(19.985.700)		-	-		(672.266.213)	
Số dư cuối kỳ	165.298.753.171	10.035.134.270		2.810.296.608	1.536.648.800		179.680.832.849	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>								
Số dư đầu năm	13.101.302.017	4.352.215.393		175.067.505	-		17.628.584.915	
Mua trong năm	21.781.504.723	2.357.055.018		163.871.004	12.501.105		24.314.931.850	
Khấu hao trong kỳ	34.882.806.740	6.709.270.411		338.938.509	12.501.105		41.943.516.765	
Số dư cuối kỳ								
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>								
Số dư đầu năm	149.609.604.626	5.655.504.577		1.497.443.404	-		156.762.552.607	
Số dư cuối kỳ	130.415.946.431	3.325.863.859		2.471.358.099	1.524.147.695		137.737.316.084	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	145.939.266.075		95.456.203.523	1.828.853.777	243.224.323.375
Tăng trong kỳ	3.633.232.674		6.440.019.773		10.093.252.447
Thành lý chuyển nhượng	(38.680.789.853)		(3.137.236.433)		(41.818.026.286)
Số dư cuối kỳ	110.911.708.896	-	98.758.986.863	1.828.853.777	211.499.549.536
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LƯỸ KẾ</b>					
Số dư đầu năm			9.317.575.504	707.101.723	10.024.677.227
Khấu hao trong kỳ			6.093.141.744	358.653.666	6.451.795.410
Số dư cuối kỳ	-	-	15.410.717.248	1.065.755.389	16.476.472.637
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	145.939.266.075	-	86.138.628.019	1.121.752.054	233.199.646.148
Số dư cuối kỳ	110.911.708.896	-	83.348.269.615	763.098.388	195.023.076.899

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30.09.2018	01.01.2018
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>184.565.209.677</b>	<b>1.490.153.090</b>
Dự án Apax Leaders	163.941.677.565	-
Chi phí phát triển dự án các điểm trường	7.916.667.212	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.028.868.536	
Mua sắm tài sản cố định	838.998.182	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	838.998.182	
Dự án khác		1.490.153.090

**Ghi chú:**

- (i) Chi phí đầu tư xây dựng trung tâm đào tạo tiếng anh theo chương trình học Apax Leader tại công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Các trung tâm này thuộc khu vực phía Nam và dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm nay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	278.850.000.000	-	281.161.482.666	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduiland	100.000.000.000	-	100.267.837.551	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ ApaxSpeedy	78.890.000.000	-	79.265.546.909	-
Công ty Cổ phần Studynet	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apaxgarten	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Anh Ngữ ApaxAcademy	98.000.000.000	-	99.668.098.206	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000	(78.813.000)	520.287.000	(91.323.000)
Có phiếu niêm yết	125.100.000	(78.813.000)	46.287.000	(91.323.000)
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	-	-	-	-
Có phiếu chưa niêm yết	360.000.000	-	360.000.000	-
Công ty Cổ phần May Nam Định	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>279.449.100.000</b>	<b>(78.813.000)</b>	<b>281.681.769.666</b>	<b>(91.323.000)</b>
<b>Ghi chú:</b>				
i. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận như sau:				
- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư				
- Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác: được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng				
	114.000.000	-	114.000.000	-
	279.449.100.000	279.449.100.000	279.449.100.000	281.402.030.839



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- ii. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý như sau:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính;

**b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 như sau:**

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty Cổ phần Đầu tư EduLand	Tp. Hà Nội	12,40%	20,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông

Trong kỳ, tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau: Các Công ty liên kết có doanh thu chủ yếu là việc bán sách và các đồ dùng học sinh, chủ yếu đối tượng học sinh đang học tại các trung tâm tiếng Anh của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<b>Từ 01.01.2018 đến 30.09.2018</b>
	<b>VND</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>540.893.488.162</b>
Tăng trong kỳ (i)	
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(43.080.012.333)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>497.813.475.829</b>

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, được xác định như chính sách mô tả tại Thuyết minh số 3 và được xác định như sau:

(i) *Xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát*

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Tổng tài sản của công ty con tại ngày mua	899.271.315.758
Nợ phải trả của công ty con tại ngày mua	512.315.324.329
<b>Giá trị ghi sổ Tài sản thuần của công ty con tại ngày mua</b>	<b>386.955.991.429</b>
Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ	68,91%
<b>Giá trị ghi sổ của tài sản thuần Công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát</b>	<b>266.642.443.940</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (Tiếp theo)**

Ngày 20 tháng 06 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax từ 46,50% lên 68,91% với tổng chi phí lần mua cuối cùng là 340.821.000.000 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax trở thành công ty con của Công ty. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax là đào tạo tiếng Anh tập trung tại các Trung tâm tiếng Anh với nhãn hiệu Apax English.

Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax không thuộc nhóm các công ty đại chúng, cổ phiếu của công ty con chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tại ngày mua được xác định theo Báo cáo thẩm định giá tài sản số 17P01TD0680 ngày 15 tháng 08 năm 2017 do Công ty Thẩm định giá và Đầu tư tài chính Bưu điện phát hành.

Trong giá phí hợp nhất kinh doanh là 841.042.608.361 VND bao gồm 340.821.000.000 VND đã được thanh toán bằng tiền và 500.221.608.361 VND là giá trị hợp lý được xác định cho các lần Công ty mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với tổng tỷ lệ nắm giữ là 46,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con này.

(ii) *Xác định lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua*

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua = 841.042.608.361 VND - 266.642.443.940 VND = 574.400.164.421 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 120 tháng (10 năm) kể từ tháng hợp nhất đầu tiên; Giá trị phân bổ kỳ này tương ứng 06 tháng.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30.09.2018		01.01.2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>28.783.123.681</b>	<b>28.348.817.881</b>	<b>26.915.343.981</b>	<b>26.915.343.981</b>
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	7.664.675.342	7.664.675.342	-	-
Công ty TNHH TM & Sản xuất Tường Việt	-	-	716.308.692	716.308.692
Công ty CP giáo dục M.V.V	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	1.041.617.681	1.041.617.681	-	-
Công ty CP truyền thông Đại Hồng Phát	1.383.912.875	1.383.912.875	1.490.060.626	1.490.060.626
Chungdahm Learnings, Inc	434.305.800	-	7.827.600.000	7.827.600.000
Công ty CP dịch vụ và truyền thông Tuấn Phong	3.358.236.024	3.358.236.024	-	-
Các đối tượng khác	11.400.375.959	11.400.375.959	16.881.374.663	16.881.374.663

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải nộp</b>		
Thuế giá trị gia tăng	3.432.461.529	810.261.042
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.369.650.076	21.985.632.661
Thuế thu nhập cá nhân	21.495.040.147	16.284.073.188
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-
Các loại thuế khác	879.382.515	14.648.878.121
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	<b>44.176.534.267</b>	<b>53.728.845.012</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30.09.2018	01.01.2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>66.242.830.583</b>	<b>80.874.714.505</b>
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	-	77.156.009.277
Trích trước chi phí thuê văn phòng	2.772.655.009	2.113.056.580
Trích trước chi phí lãi vay	-	-
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	19.444.552.965	-
Trích trước chi phí ghi danh học sinh	34.215.000.000	-
Trích trước chi phí sự kiện	4.400.000.000	-
Trích trước chi phí khác	5.410.622.609	1.605.648.648

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30.09.2018	01.01.2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>258.256.079.152</b>	<b>251.925.203.534</b>
Tiền học phí thu trước	258.256.079.152	251.925.203.534
	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.962.369.262</b>	<b>13.946.774.479</b>
Tiền học phí thu trước	4.962.369.262	13.946.774.479

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.372.179.660</b>	<b>4.310.607.999</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	50.991.000	-
Bảo hiểm xã hội	2.209.041.634	1.791.943.685
Bảo hiểm y tế	207.117.647	-
Bảo hiểm thất nghiệp	99.477.018	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	34.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.771.552.361	2.518.664.314
- Lãi vay phải trả Egroup	-	1.735.062.157
- Lãi vay phải trả Value System	540.247.253	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	30.200.000
- Bà Phạm Thị Hương	-	558.133.333
- Công ty cổ phần anh ngữ Apax Academy	1.145.798.047	-
- Công ty CP Đầu tư Apax Holdings	-	-
- Công ty cổ phần Anh ngữ APAX	-	-
- Các đối tượng khác	4.085.507.061	195.268.824
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

N. N.  
 C. P.  
 S. P.  
 A. X.  
 Y. P.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trung kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>180.425.444.430</b>	<b>180.425.444.430</b>	<b>267.918.617.691</b>	<b>230.478.608.621</b>	<b>142.985.435.360</b>	<b>138.985.435.360</b>
			4.000.000.000		4.000.000.000	
Bà Bùi Thị Thanh Vân	-	-	12.000.000.000		-	-
Bà Ngô Trà My	-	-	5.200.000.000		-	-
Trái phiếu phát hành	-	-	-	7.800.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
Công ty CP Studynet - Công ty liên kết	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	2.760.000.000	2.760.000.000	2.760.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân	148.614.477.222	148.614.477.222	231.469.100.979	182.838.065.853	99.983.442.096	99.983.442.096
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	4.002.026.056	4.002.026.056	4.002.026.056
Đối tượng khác	-	-	-	60.000.000	60.000.000	60.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>26.250.967.208</b>	<b>26.250.967.208</b>	<b>16.489.516.712</b>	<b>8.578.516.712</b>	<b>18.339.967.208</b>	<b>18.339.967.208</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	121.967.208	121.967.208	60.983.604	60.983.604	121.967.208	121.967.208
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân	21.573.000.000	21.573.000.000	14.382.000.000	6.471.000.000	13.662.000.000	13.662.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	4.556.000.000	4.556.000.000	2.046.533.108	2.046.533.108	4.556.000.000	4.556.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>265.141.033.177</b>	<b>265.141.033.177</b>	<b>223.391.921.140</b>	<b>19.856.276.078</b>	<b>61.605.388.115</b>	<b>61.605.388.115</b>
Trái phiếu phát hành	204.974.666.667	204.974.666.667	207.144.666.667	2.170.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	264.262.310	264.262.310	-	91.475.406	355.737.716	355.737.716
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân	40.730.384.872	40.730.384.872	12.086.734.473	14.382.000.000	43.025.650.399	43.025.650.399
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	19.171.719.328	19.171.719.328	4.160.520.000	3.212.800.672	18.224.000.000	18.224.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>313.010.600.000</b>	-	-	-	-	<b>11.566.005.214</b>	-	-	-	<b>324.576.605.214</b>		
Tăng vốn góp trong năm	375.789.400.000	90.074.070.000	-	-	-	-	-	-	-	465.863.470.000		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	160.216.172.955	-	-	10.925.221.145	171.141.394.100		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	-	-	172.360.551.203	172.360.551.203		
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>688.800.000.000</b>	<b>90.074.070.000</b>	-	-	-	<b>171.782.178.169</b>	-	-	<b>183.285.772.348</b>	<b>1.133.942.020.517</b>		
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	5.524.676.901	-	-	5.105.480.246	10.630.157.147		
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	-	(68.880.000.000)	-	-	-	(68.880.000.000)		
Tăng vốn góp trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000		
Tăng khác (ii)	-	-	-	-	256.160.381	-	-	-	-	256.160.381		
Giảm khác (iii)	-	-	-	-	-	(639.281.519)	-	-	(288.454.555)	(927.736.074)		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>688.800.000.000</b>	<b>90.074.070.000</b>	-	-	<b>256.160.381</b>	<b>107.787.573.551</b>	-	-	<b>206.102.798.039</b>	<b>1.093.020.601.971</b>		

Ghi chú: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105824156 thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 688.800.000.000 VND trên cơ sở kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoàn thành ngày 04/8/2017.

- (i) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHDCD ngày 09/04/2018 của Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 10% bằng tiền. Tổng số tiền cổ tức đã thực chi cho các cổ đông trong kỳ là 68.081.346.350 VND.
- (ii) Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi tăng theo đợt phát hành trái phiếu đợt 1 năm 2018 như trình bày tại thuyết minh số 22 - Trái phiếu chuyển đổi.
- (iii) Ghi giảm do điều chỉnh chi phí thuế của các kỳ trước tại Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apex theo kết luận thanh tra thuế số 3641/KL-CT-TTr1 ngày 23/01/2018 của cục thuế thành phố Hà Nội.



**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	688.800.000.000	313.010.600.000
- Vốn góp đầu kỳ	688.800.000.000	313.010.600.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	688.800.000.000	313.010.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	68.880.000.000	-

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	68.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>292.387.157.342</b>	<b>244.271.309.706</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	98.409.047	9.511.508.500
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	292.288.748.295	234.682.489.842
- Doanh thu khác	-	77.311.364
<b>b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ - Cùng	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech -	-	-
	<b>292.387.157.342</b>	<b>244.271.309.706</b>
<b>c) Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>4.052.943.500</b>
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	4.052.943.500
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>292.387.157.342</b>	<b>240.218.366.206</b>

**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa	72.857.973	1.712.723.901
Giá vốn cung cấp dịch vụ	142.047.200.384	102.332.001.613
Giá vốn bán thành phẩm	-	-
Giá vốn khác	-	-
	<u>142.120.058.357</u>	<u>104.044.725.514</u>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.698.365.525	3.450.378.771
	<u>3.698.365.525</u>	<u>3.450.378.771</u>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	7.964.663.840	1.616.304.066
Chi phí tài chính khác	99.358.975	121.149.947
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	-
	<u>8.064.022.815</u>	<u>1.737.454.013</u>



**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 3 năm nay VND	Quý 3 năm trước VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	48.524.767.625	38.556.234.999
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	18.385.500	
Chi phí dụng cụ đồ dùng	944.633.899	
Chi phí khấu hao TSCĐ	220.943.451	4.388.174.097
Chi phí vô bình phân bổ	-	
Chi phí nhượng quyền sử dụng vô bình Picnic - Gas	-	
Chi phí xăng dầu	-	
Phân bổ CCDC	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.262.354.438	-
Chi phí bảo vệ, quản lý kho bãi, chi phí kho	-	
Thuế, phí và lệ phí	-	
Chi phí khác bằng tiền	4.718.872.287	13.170.802.270
<b>Cộng</b>	<b>66.689.957.200</b>	<b>56.115.211.366</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	5.169.207.077	7.377.234.367
Chi phí đồ dùng văn phòng	518.100.312	
Chi phí khấu hao TSCĐ	216.400.794	397.514.724
Thuế, phí và lệ phí	145.023.457	
Phí báo lãnh	-	
Chi phí thuê văn phòng	59.214.920	
Chi phí xăng dầu	-	
Phân bổ CCDC	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.399.684.520	224.970.862
Lợi thế thương mại phân bổ	-	14.360.004.111
Chi phí bằng tiền khác	15.164.396.014	8.362.214.391
	<b>26.672.027.094</b>	<b>30.721.938.455</b>
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.519.276.568	13.301.835.501
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.519.276.568</b>	<b>13.301.835.501</b>

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và chia thành 03 miền: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam, nhưng tập trung chủ yếu ở Miền Bắc. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, các khu vực miền Nam, miền Trung phát sinh doanh thu không đáng kể (không quá 10% tổng doanh thu hợp nhất). Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý miền.

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm 92,6%, doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng chiếm tỷ trọng 7,4% (nhỏ hơn 10% tổng doanh thu). Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	456.425.978.791	204.590.823.475
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(443.227.226.272)	(270.700.519.343)
Nợ thuần	13.198.752.519	-
Vốn chủ sở hữu	1.093.020.601.971	1.133.942.020.517
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,2%</b>	<b>0,0%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.227.226.272	270.700.519.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.305.910.212	154.680.084.219
Đầu tư tài chính dài hạn	520.287.000	853.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>572.053.423.484</b>	<b>426.234.303.562</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	251.306.180.087	204.590.823.475
Phải trả người bán và phải trả khác	45.885.733.136	29.434.008.295
Chi phí phải trả	57.721.616.783	80.874.714.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>354.913.530.006</b>	<b>314.899.546.275</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

***Rủi ro thanh khoản***

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

58  
Y  
UT  
NG  
1P

**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.227.226.272	-	443.227.226.272
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.136.876.093	30.169.034.119	128.305.910.212
Đầu tư tài chính dài hạn	-	520.287.000	520.287.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>541.364.102.365</b>	<b>30.689.321.119</b>	<b>572.053.423.484</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	197.127.868.147	54.178.311.940	251.306.180.087
Phải trả người bán và phải trả khác	45.885.733.136	-	45.885.733.136
Chi phí phải trả	57.721.616.783	-	57.721.616.783
<b>Tổng cộng</b>	<b>300.735.218.066</b>	<b>54.178.311.940</b>	<b>354.913.530.006</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>240.628.884.299</b>	<b>(23.488.990.821)</b>	<b>217.139.893.478</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	270.700.519.343	-	270.700.519.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.412.425.424	22.267.658.795	154.680.084.219
Đầu tư tài chính dài hạn	-	853.700.000	853.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>403.112.944.767</b>	<b>23.121.358.795</b>	<b>426.234.303.562</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	29.434.008.295	-	29.434.008.295
Chi phí phải trả	80.874.714.505	-	80.874.714.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>253.294.158.160</b>	<b>61.605.388.115</b>	<b>314.899.546.275</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>149.818.786.607</b>	<b>(38.484.029.320)</b>	<b>111.334.757.287</b>

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2018 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower,  
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup  
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool  
Công ty Cổ phần Studynet  
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy  
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland  
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy  
Chungdahm Learning, Inc  
Công ty cổ phần quản lý tài sản Dzambala

**Mối quan hệ**

Chủ sở hữu  
Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax  
Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax  
Cùng chủ sở hữu

**Bên liên quan**

Ông Nguyễn Ngọc Thùy  
Ông Nguyễn Mạnh Phú  
Ông Nguyễn Ngọc Khánh  
Bà Vũ Cẩm La Hương  
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh  
Ông Quách Mạnh Hào  
Ông Nguyễn Minh Chính  
Ông Sang Ho Jung


**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Kế toán trưởng  
Thành viên Hội đồng Quản trị  
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc  
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị  
Thành viên Hội đồng Quản trị  
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị  
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bỏ nhiệm  
ngày 27/07/2018)


**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán; Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.



  
Vũ Cẩm La Hương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

  
Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Hải  
Người lập